

Bản án số: **69/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-8-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Sương**

Ông **Hồ Hải Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích T** (Có mặt).

Cư trú tại: thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến L** (Vắng mặt).

Cư trú tại: thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tiến L đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm sống, ông L hay bài bạc, có tính gia trưởng, trai gái, bà đã khuyên nhủ nhiều lần để vợ chồng hàn gắn nhưng ông L vẫn không thay đổi. Hơn nữa bà và ông L đã không sống chung với nhau từ tháng 01/2018. Nay bà không còn tình cảm với ông L nên xin ly hôn.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L.
Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Tiến L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã N đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm sống, ông L hay bài bạc, có tính gia trưởng, trai gái, bà đã khuyên nhủ nhiều lần để vợ chồng hàn gắn nhưng ông L vẫn không thay đổi. Bà và ông L đã không sống chung với nhau từ tháng 01/2018 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Hơn nữa, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không đến để tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông L không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trần Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Tiến L.

- Về con chung: Bà T, ông L không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003600 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH

